

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 6 năm 2020

V/v: “Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Trung Kiên và bà Nguyễn Thị Bích Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh T - Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Khu M, xã Q (trước đây là khu 2, xã N), huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V - Sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Khu M, xã Q (trước đây là khu 2, xã N), huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh T có mặt, chị V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Anh Nguyễn Mạnh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị V. Cụ thể theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T trình bày như sau:

- Anh và chị Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn với nhau ngày 08/02/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh tại xã N (nay là xã Q), huyện T. Đến năm 2006 thì chị V sinh con và vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm cách sống và kinh tế gia đình khó khăn. Sau đó chị V

đi ra ngoài làm ăn kinh tế, bỏ bê không quan tâm đến gia đình và con cái là cho vợ chồng xảy ra va chạm xích mích, cuộc sống vợ chồng không còn được hòa thuận và không có hạnh phúc nên anh và chị V đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể quay về sống chung, tình cảm của anh với chị V không còn vì vậy anh yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị V có với nhau 01 con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 08/11/2006, con chung vẫn ở với anh tại xã Q, huyện T và do anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ nhiều năm nay. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh và chị Việt không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị V: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị V vẫn vắng mặt mà không có lý do vì vậy Tòa án quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị V theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân giữa anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị V kể từ khi kết hôn cho đến nay và xét yêu cầu của anh Tuấn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra những bất đồng mâu thuẫn do quan điểm, tính cách và có phần do kinh tế khó khăn, vợ chồng lại không có sự tin tưởng thông cảm chia sẻ nên đã làm phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có được hạnh phúc và đã phải sống ly thân nhau từ nhiều năm nay. Kết quả xác minh của Tòa án và thực tế, thì từ nhiều năm nay quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị V đã không còn tồn tại, vợ chồng đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nếu cứ tiếp tục ràng buộc thì hôn nhân sẽ không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của anh T là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh T và chị V có với nhau 01 con chung, từ trước đến nay con chung vẫn ở với anh T và bố mẹ anh T tại xã Q, huyện Thanh Ba. Qua xác minh tại địa phương thì con chung đang có cuộc sống ổn định, được anh T và gia đình chăm sóc học tập đầy đủ. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, thì yêu cầu được nuôi con chung của anh T là hoàn toàn chính đáng, việc giao các con chung cho anh T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, được chăm sóc học tập và phát triển đầy đủ, toàn diện, phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của con chung và cũng đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị V vắng mặt, anh T tự nguyện không yêu cầu vì vậy trong vụ án này không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh T trình bày không có, nhưng do chị V vắng mặt nên không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Mạnh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh Nguyễn Mạnh T được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Mạnh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 08/11/2006 (hiện nay con chung đang ở cùng anh T và bố mẹ đẻ anh T tại Khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ). Chị Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án ly hôn này, mà sẽ được giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh T phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Tuấn đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số

AA/2019/0002001 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã Q, huyện T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Xuân